

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 03/2020/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đức Trọng, ngày 02 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 590/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Minh T, sinh năm 1979

Trú tại: Tổ 6, Bồng Lai, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Lê Bá L, sinh năm 1974

Trú tại: Tổ 6, Bồng Lai, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 58, 81, 82, 84, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Minh T và ông Lê Bá L.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Con chung tên Lê Mai Th, sinh ngày 04/6/2001 đã trưởng thành ở với ai tùy con chung quyết định. Giao bà Phan Thị Minh T nuôi các con chung Lê Anh Th, sinh ngày 01/11/2007 và Lê Đức M, sinh ngày 18/7/2012 cho đến ngày con chung đủ 18 tuổi. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Đức M số tiền 5.000.000đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Bà Phan Thị Minh T nhận chịu 150.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật được trừ vào số tiền 1.300.000đồng bà Phan Thị Minh T đã nộp theo biên lai thu 0013955 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Hoàn trả cho bà T số tiền 1.000.000đồng án phí còn thừa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- VKS huyện, tỉnh
- Chi cục THA DS huyện
- Đương sự
- UBND xã Hiệp Thạnh
- Lưu HS, AV

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Sinh

